



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Ngân hàng	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu B02a/TCTD-HN)	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu B03a/TCTD-HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu B04a/TCTD-HN)	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu B05a/TCTD-HN)	12 - 92



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy phép Thành lập số 463/GP-UB ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0300872315 ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 22 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

0300
NGÃ
/ONG
NA
3-71

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Phó Chủ tịch
Ông Phan Đình Tân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên
Bà Đỗ Anh Thư	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Triệu Kim Cân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm Bà Võ Thị Tuyết Nga Ông Lê Quang Quảng Ông Trần Khải Hoàn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	
Trụ sở đăng ký	Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

7
H.
AI
M
HC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 92 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

37
VG
PH
Á
JHI



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 92.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CHỖ
CHỮ
KÝ



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00281-19-2



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

	Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng	4	822.872
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.600.648
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	9.989.074
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	9.601.353	9.866.059
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	458.658	49.417
3	Dự phòng rủi ro	(70.937)	(49.417)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	63.324
1	Chứng khoán kinh doanh	144.141	144.141
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(80.817)	(80.817)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.061
VI	Cho vay khách hàng	59.009.999	50.042.960
1	Cho vay khách hàng	59.790.607	50.814.947
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(780.608)	(771.987)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	8.332.641
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	4.161.329	3.836.046
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.177.450	5.320.257
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(6.138)	(115.216)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	114.241
4	Đầu tư dài hạn khác	117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.039)	(3.135)
X	Tài sản cố định	842.097	822.156
1	Tài sản cố định hữu hình	397.898	365.992
a	Nguyên giá	727.394	679.679
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(329.496)	(313.687)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	34.038	39.075
a	Nguyên giá	75.643	74.411
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(41.605)	(35.336)
3	Tài sản cố định vô hình	410.161	417.089
a	Nguyên giá	512.701	512.701
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(102.540)	(95.612)
XI	Bất động sản đầu tư	16	41.310
a	Nguyên giá	41.310	17.132
b	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
XII	Tài sản Có khác	17	2.344.868
1	Các khoản phải thu	549.766	454.791
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.588.340	1.177.679
4	Tài sản Có khác	232.425	181.847
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(25.663)	(30.840)
TỔNG TÀI SẢN		83.162.135	75.059.004

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HH
 (Ban hành theo Thông tư
 số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	1.641
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	10.723.409
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	10.097.072	10.799.106
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	626.337	1.503.392
III	Tiền gửi của khách hàng	20	62.918.588
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	130.507
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	3.097.983
VII	Các khoản nợ khác	23	1.713.436
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.379.618	1.223.884
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	333.818	379.226
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	78.585.564	70.828.922
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	25	4.576.571
1	Vốn của tổ chức tín dụng	3.356.079	3.356.079
a	Vốn điều lệ	3.353.494	3.353.494
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần	2.550	2.550
g	Vốn khác	25	25
2	Các quỹ	330.319	329.314
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.349)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	891.522	544.689
a	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này/năm nay	349.338	495.182
b	Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	542.184	49.507
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.576.571	4.230.082
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	83.162.135	75.059.004

30/
 IG/
 NG
 V/
 3-7

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
2	Cam kết giao dịch hối đoái Trong đó:	39	1.864.897	513.700
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		647	350.250
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		649	163.450
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		1.863.601	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	940.529	15.289
5	Bảo lãnh khác	39	277.929	267.464

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
 Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Tổng Giám đốc

72.

HÀ

AI C

M

HỒ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B03a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 Triệu VND	30/6/2018 Triệu VND (điều chỉnh lại)
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	3.256.298	2.354.513
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.236.539)	(1.591.765)
I Thu nhập lãi thuần	26	1.019.759	762.748
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	76.927	48.993
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	27	(37.218)	(30.174)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	39.709	18.819
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	11.423	15.013
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	36.088	60.708
5 Thu nhập từ hoạt động khác	30	10.126	32.481
6 Chi phí hoạt động khác	30	(2.880)	(9.157)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	30	7.246	23.324
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	63	77
VIII Chi phí hoạt động	32	(626.649)	(524.571)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		487.639	356.118
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(44.415)	(20.876)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		443.224	335.242
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(93.886)	(68.361)
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	-	-
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	34	(93.886)	(68.361)
XIII Lợi nhuận sau thuế		349.338	266.881
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	1.042	796

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho
 kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/6/2019 30/6/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.834.613	1.992.546
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.082.308)	(1.595.415)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	40.897	18.589
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	47.474	79.620
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(2.575)	900
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	5.131	19.169
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(785.495)	(417.571)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(119.228)	(34.172)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	(61.491)	63.666
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(159.241)	387.028
10	Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	817.524	1.184.559
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.061)	509
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(8.975.660)	(7.223.406)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(123.427)	(7)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	13.086	38.335
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(129)	(321.492)
16	(Giảm)/tăng tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(1.579.089)	1.341.007
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	8.731.481	8.441.387
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	492.260	513.880
19	Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	1.793	(3.572)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	1.053
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	113.284	112.039
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(730.670)	4.534.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho
 kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/6/2019 30/6/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

01	Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(81.975)	(24.954)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.613	1.477
04	Mua sắm bất động sản đầu tư và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(114.921)	(102)
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21.495	38.458
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	63	77

II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ **(167.725)** **14.956**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

04 Cổ tức trả cho cổ đông (106) (449)

III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH **(106)** **(449)**

IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ **(898.501)** **4.549.493**

V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ **13.174.723** **5.912.352**

VI ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ **(1.349)** **(2.530)**

VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 36) **12.274.873** **10.459.315**

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
 Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này